|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  **VỤ VẬN TẢI**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |
| Số: /TTr | *Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2025* |

**DỰ THẢO**

**TỜ TRÌNH**

**Sửa đổi, bổ sung một điều của Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT ngày 14/3/218 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 35/2021/TT-BGTVT ngày 17/12/2021)**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

|  |  |
| --- | --- |
| Kính trình: | - Bộ trưởng Trần Hồng Minh;  - Thứ trưởng Lê Anh Tuấn. |

Thực hiện Chương trình xây dựng văn bản QPPL năm 2025 của Bộ Giao thông vận tải (Quyết định số 1711/QĐ-BGTVT ngày 30/12/2024), Cục Hàng không Việt Nam đã xây dựng trình Bộ Giao thông vận tải dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT ngày 14/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 35/2021/TT-BGTVT ngày 17/12/2021 (Dự thảo Thông tư)

Vụ Vận tải kính trình Bộ trưởng Dự thảo Thông tư bao gồm các nội dung sau:

**I. Sự cần thiết ban hành:**

**1. Về quy định của pháp luật hiện hành:**

Một số chương trình huấn luyện năng định (Phần B) và chuyển loại năng định (Phần C) đối với nhân viên không lưu đang được quy định tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2021/TT-BGTVT quy định về nhân viên hàng không, đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng khôngáp dụng đối với nhân viên không lưu (Phụ lục 05) gồm:

- Huấn luyện năng định: *“2. Kiểm soát đường dài”*

- Huấn luyện chuyển loại năng định: *“1. Từ các vị trí kiểm soát không lưu về vị trí kiểm soát tiếp cận; 4. Từ các vị trí kiểm soát không lưu về vị trí kiểm soát đường dài;”.*

**2. Thực tiễn các hoạt động có liên quan**

**2.1. Cung cấp dịch vụ điều hành bay**

Trước đây, do hệ thống trang thiết bị chưa được trang bị hiện đại và đồng bộ; lưu lượng hoạt động bay chưa cao; phân cách lớn giữa các tàu bay vẫn có thể áp dụng; năng lực vùng trời vẫn có thể đáp ứng; việc cung cấp dịch vụ điều hành bay chủ yếu theo phương thức không có giám sát ATS.

Thực tiễn tại các cơ sở điều hành bay “tiếp cận, đường dài” của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam (VATM) hiện nay khai thác, sử dụng hệ thống trang thiết bị hiện đại, dịch vụ điều hành bay sử dụng phương thức giám sát. Dịch vụ điều hành bay không sử dụng giám sát chỉ được cung cấp trong một số trường hợp bất thường như suy giảm hệ thống trang thiết bị giám sát; trong trường hợp này, Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam áp dụng quy trình xử lý cho kiểm soát viên không lưu trong Tài liệu Hướng dẫn khai thác của cơ sở điều hành bay và được huấn luyện định kỳ. Ngoài ra, ngay cả trong trường hợp bất thường, để điều hành bay theo phương thức không giám sát ATS phải kết hợp với các biện pháp khác như quản lý luồng không lưu (Air Traffic Flow Management - ATFM) hoặc kiểm soát luồng không lưu (Air Traffic Flow Control - ATFC).

**2.2. Công tác huấn luyện Kiểm soát viên không lưu (KSVKL)**

Công tác huấn luyện KSVKL được triển khai dựa trên các Chương trình huấn luyện được Cục Hàng không Việt Nam (HKVN) phê duyệt với nội dung (Lý thuyết, Thực hành, Huấn luyện tại vị trí làm việc - OJT, Ôn tập, kiểm tra) và thời lượng tuân thủ các Thông tư 10/2018/TT-BGTVT và Thông tư số 35/2021/TT-BGTVT.

Hiện nay, KSVKL phải được huấn luyện và cấp năng định theo “vị trí kiểm soát tiếp cận không có giám sát ATS” hoặc “vị trí kiểm soát đường dài không có giám sát ATS”, sau đó chuyển loại năng định sang vị trí kiểm soát tiếp cận giám sát ATS hoặc vị trí kiểm soát đường dài giám sát ATS.

Việc tổ chức huấn luyện KSVKL theo phương thức không có giám sát ATS rồi mới chuyển sang theo phương thức có giám sát ATS vừa không phù hợp với nhu cầu khai thác, sử dụng; vừa làm tăng thời gian huấn luyện, gây lãng phí các nguồn lực liên quan.

Ngoài ra, để có thể triển khai được công tác huấn luyện, đặc biệt là phần huấn luyện thực hành, huấn luyện tại vị trí làm việc (On the job training - OJT) (đáp ứng các quy định về nhân viên tham gia tập sự và huấn luyện tại vị trí làm việc tại Thông tư số 15/2024/TT-BGTVT ngày 29/5/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2017/TT- BGTVT ngày 06/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý và bảo đảm hoạt động bay) thì cần có môi trường huấn luyện thực tế phù hợp.

Tuy nhiên, do phương thức điều hành bay không có giám sát ATS không còn phù hợp và không được sử dụng nữa nên điều kiện và môi trường để tổ chức huấn luyện theo phương thức không có giám sát ATS không còn phù hợp và khả thi. Đồng thời, quá trình huấn luyện chuyển loại năng định đối với một số đối tượng nhân viên không lưu tại VATM cho thấy tên gọi của một số chương trình huấn luyện như Chương trình huấn luyện năng định (Phần B Phụ lục 05) và Chương trình huấn luyện chuyển loại năng định (Phần C Phụ lục 05) cần được điều chỉnh, làm rõ hơn để thống nhất thuật ngữ sử dụng (giám sát ATS) trong toàn Thông tư để thuận lợi phân biệt, áp dụng.

**3. Quy định của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (ICAO)**

Trong thời gian qua, một số Phụ ước, tài liệu hướng dẫn của ICAO về công tác đào tạo, huấn luyện KSVKL đã được cập nhật để phù hợp với thực tiễn:

**3.1. Phụ ước 1 của Công ước Chicago 1944 về Hàng không dân dụng quốc tế (Annex 1) về cấp phép nhân viên (Annex 1: Personnel Licensing - phiên bản thứ tư, được áp dụng từ 03/11/2022)**

*Mục 4.5.1 tại Phụ ước 1 phân loại năng định kiểm soát viên không lưu theo các loại sau:*

*a) Kiểm soát tại sân bay (aerodrome control rating);*

*b) Kiểm soát tiếp cận không có giám sát ATS (approach control procedural rating);*

*c) Kiểm soát tiếp cận giám sát ATS (approach control surveillance rating);*

*d) Kiểm soát tiếp cận chính xác bằng ra đa (approach precision radar control rating);*

*e) Kiểm soát đường dài không có giám sát ATS (area control procedural rating);*

*f) Kiểm soát đường dài giám sát ATS (area control surveillance rating).*

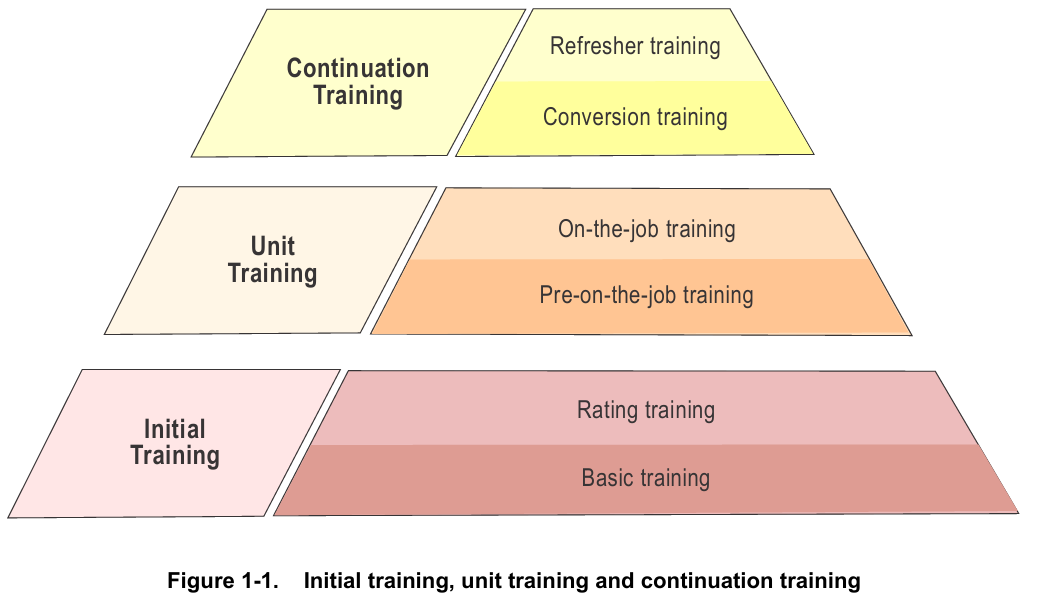
Như vậy, Phụ ước 1 có sự phân loại giữa:

- b) Kiểm soát tiếp cận không có giám sát ATS và c) Kiểm soát tiếp cận giám sát ATS;

- e) Kiểm soát đường dài không có giám sát ATS và f) Kiểm soát đường dài giám sát ATS.

**3.2. Tài liệu 10056 tập 1: Đào tạo và đánh giá Kiểm soát viên không lưu dựa trên năng lực (Doc 10056 Volume 1: Manual on Air Traffic Controller Competency-based Training and Assessment - phiên bản thứ hai, được áp dụng từ 03/11/2022)**

Tài liệu 10056 tập 1 hướng dẫn: Sau khi hoàn thành khóa đào tạo ban đầu (Initial training) (bao gồm cả Đào tạo cơ bản - Basic Training - và Đào tạo theo năng định -Rating Training); học viên được tham gia Đào tạo vị trí - Unit training - ở cơ sở, đơn vị dự kiến làm việc và cấp năng định. Tức là học viên dự kiến làm việc ở vị trí nào thì được đào tạo, huấn luyện để cấp năng định theo vị trí đó, không cần thực hiện đào tạo, huấn luyện theo trình tự phải đáp ứng yêu cầu năng định này rồi mới được chuyển loại sang năng định khác.



*Các giai đoạn đào tạo kiểm soát viên không lưu theo ICAO - Doc 10056, tập 1*

Như vậy, một số chương trình huấn luyện nhân viên không lưu tại Phụ lục 05 không còn khả thi trong thực tiễn; chưa phù hợp với quy định của ICAO nên cần thiết phải được điều chỉnh, cập nhật như sau:

**B. CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN NĂNG ĐỊNH**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Nội dung** | **Thời lượng**  **tối thiểu (tiết)** | **Trong đó** | | | **Ôn tập, kiểm tra** |
| **Lý thuyết** | **Thực hành** | **OJT** |
| **I** | **Nhân viên không lưu** |  |  |  |  |
| 2 | Kiểm soát đường dài không có giám sát ATS/giám sát ATS | 1600 | 320 | 640 | 560 | 80 |

**C. CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN CHUYỂN LOẠI NĂNG ĐỊNH**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Nội dung** | **Thời lượng tối thiểu (tiết)** | **Trong đó** | | | **Ôn tập, kiểm tra** |
| **Lý thuyết** | **Thực hành** | **OJT** |
| **I** | **Nhân viên không lưu** |  |  |  |  |  |
| 1 | Từ các vị trí kiểm soát không lưu về vị trí kiểm soát tiếp cận không có giám sát ATS | 355 | 95 | 160 | 90 | 10 |
| 2 | Từ vị trí kiểm soát tiếp cận không có giám sát ATS sang vị trí kiểm soát tiếp cận giám sát ATS | 220 | 40 | 80 | 90 | 10 |
| 4 | Từ các vị trí kiểm soát không lưu về vị trí kiểm soát đường dài không có giám sát ATS | 390 | 80 | 120 | 180 | 10 |
| 5 | Từ vị trí kiểm soát đường dài không có giám sát ATS sang vị trí kiểm soát đường dài giám sát ATS | 220 | 40 | 80 | 90 | 10 |

Để phù hợp với môi trường điều hành bay, trang thiết bị và thực tiễn cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay tại khu vực kiểm soát tiếp cận và đường dài có giám sát ATS ở Việt Nam hiện nay, việc bổ sung phần chú thích nhằm làm rõ một số chương trình huấn luyện chuyển loại năng định tại Phần C Phụ lục 05 là cần thiết, chi tiết như sau:

- Đối với nhân viên không lưu chuyển loại từ các vị trí kiểm soát không lưu sang vị trí kiểm soát tiếp cận giám sát ATS:

*+ Huấn luyện chương trình tại số thứ tự 01 Mục 4 Phần C Phụ lục 05: Huấn luyện lý thuyết và thực hành, sau đó ôn tập và kiểm tra; không thực tập tại vị trí làm việc (OJT) do hiện tại không có môi trường thực tập OJT; không yêu cầu năng định kiểm soát tiếp cận không có giám sát ATS;*

*+ Tiếp tục huấn luyện chuyển loại sang vị trí kiểm soát tiếp cận giám sát ATS tại số thứ tự 02 Mục 4 Phần C Phụ lục 05, sau đó tham dự sát hạch năng định kiểm soát tiếp cận giám sát ATS.*

- Đối với nhân viên không lưu chuyển loại từ các vị trí kiểm soát không lưu sang vị trí kiểm soát đường dài giám sát ATS:

*+ Huấn luyện chương trình tại số thứ tự 04 Mục 4 Phần C Phụ lục 05: Huấn luyện lý thuyết và thực hành, sau đó ôn tập và kiểm tra; không thực tập tại vị trí làm việc (OJT) do hiện tại không có môi trường thực tập OJT; không yêu cầu năng định kiểm soát đường dài không có giám sát ATS;*

*+ Tiếp tục huấn luyện chuyển loại sang vị trí kiểm soát đường dài giám sát ATS tại số thứ tự 05 Mục 4 Phần C Phụ lục 05, sau đó tham dự sát hạch năng định kiểm soát đường dài giám sát ATS.*

**II. Mục đích, quan điểm xây dựng:**

Việc xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư 35/2021/TT-BGTVT ngày 17/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 10/2018/TT-BGTVT ngày 14/3/2018 về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không nhằm:

1. Đảm bảo tuân thủ các quy định/yêu cầu của ICAO được nêu tại Phụ ước 01 về cấp phép nhân viên (Annex 1: Pesonnel Licensing - phiên bản thứ tư, được áp dụng từ 03/11/2022) và Tài liệu 10056 tập 1: Đào tạo và đánh giá Kiểm soát viên không lưu dựa trên năng lực (Doc 10056 Volume 1: Manual on Air Traffic Controller Competency - based Training and Assessment - phiên bản thứ hai, được áp dụng từ 03/11/2022) như tại Mục 3 nêu trên.

2. Phù hợp với tình hình thực tiễn cung cấp dịch vụ và hệ thống trang thiết bị cung cấp dịch vụ:

Trước đây, do hệ thống trang thiết bị chưa được trang bị hiện đại và đồng bộ; lưu lượng hoạt động bay chưa cao; phân cách lớn giữa các tàu bay vẫn có thể áp dụng; năng lực vùng trời vẫn có thể đáp ứng; việc cung cấp dịch vụ điều hành bay chủ yếu theo phương thức không có giám sát ATS.

Ngoài ra, thực tiễn tại các cơ sở điều hành bay “tiếp cận, đường dài” của VATM được nêu tại Mục 2.1.

3. Phù hợp với môi trường và trang thiết bị huấn luyện, đặc biệt là phần huấn luyện thực hành, huấn luyện tại vị trí làm việc (On the job training - OJT); tăng cường chất lượng huấn luyện, đào tạo nhân viên hàng không.

4. Thống nhất thuật ngữ sử dụng (giám sát ATS) trong toàn Thông tư *(tại Phụ lục 03: Danh mục giấy phép, năng định nhân viên hàng không; Phụ lục 05: Chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không nhóm bảo đảm hoạt động bay).*

5. Góp phần vào công tác bảo đảm an toàn của hàng không Việt Nam nói chung và nâng cao chất lượng dịch vụ bảo đảm hoạt động bay nói riêng.

**III. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:**

Đây là Thông tư sửa đổi, bổ sung nên phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng giữ nguyên như quy định của Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT.

**IV. Nội dung chính của văn bản:**

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư 35/2021/TT-BGTVT ngày 17/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 10/2018/TT-BGTVT ngày 14/3/2018 về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung số thứ tự 02 tại Mục 4 Phần B Chương trình huấn luyện năng định của Phụ lục 05:

**B. CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN NĂNG ĐỊNH**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Nội dung** | **Thời lượng**  **tối thiểu (tiết)** | **Trong đó** | | | **Ôn tập, kiểm tra** |
| **Lý thuyết** | **Thực hành** | **OJT** |
| **I** | **Nhân viên không lưu** |  |  |  |  |
| 2 | Kiểm soát đường dài không có giám sát ATS/ giám sát ATS | 1600 | 320 | 640 | 560 | 80 |

2. Sửa đổi, bổ sung số thứ tự 01, 02, 04 và 05 và bổ sung phần chú thích nhằm làm rõ một số chương trình huấn luyện chuyển loại năng định tại mục 4 Phần C Chương trình huấn luyện chuyển loại năng định của Phụ lục 05:

**C. CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN CHUYỂN LOẠI NĂNG ĐỊNH**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Nội dung** | **Thời lượng tối thiểu (tiết)** | **Trong đó** | | | **Ôn tập, kiểm tra** |
| **Lý thuyết** | **Thực hành** | **OJT** |
| **I** | **Nhân viên không lưu** |  |  |  |  |  |
| 1 | Từ các vị trí kiểm soát không lưu về vị trí kiểm soát tiếp cận không có giám sát ATS | 355 | 95 | 160 | 90 | 10 |
| 2 | Từ vị trí kiểm soát tiếp cận không có giám sát ATS sang vị trí kiểm soát tiếp cận giám sát ATS | 220 | 40 | 80 | 90 | 10 |
| 4 | Từ các vị trí kiểm soát không lưu về vị trí kiểm soát đường dài không có giám sát ATS | 390 | 80 | 120 | 180 | 10 |
| 5 | Từ vị trí kiểm soát đường dài không có giám sát ATS sang vị trí kiểm soát đường dài giám sát ATS | 220 | 40 | 80 | 90 | 10 |

*Ghi chú:*

- Đối với nhân viên không lưu chuyển loại từ các vị trí kiểm soát không lưu sang vị trí kiểm soát tiếp cận giám sát ATS:

*+ Huấn luyện chương trình tại số thứ tự 01 Mục 4 Phần C Phụ lục 05: Huấn luyện lý thuyết và thực hành, sau đó ôn tập và kiểm tra; không thực tập tại vị trí làm việc (OJT) do hiện tại không có môi trường thực tập OJT; không yêu cầu năng định kiểm soát tiếp cận không có giám sát ATS;*

*+ Tiếp tục huấn luyện chuyển loại sang vị trí kiểm soát tiếp cận giám sát ATS tại số thứ tự 02 Mục 4 Phần C Phụ lục 05), sau đó tham dự sát hạch năng định kiểm soát tiếp cận giám sát ATS.*

- Đối với nhân viên không lưu chuyển loại từ các vị trí kiểm soát không lưu sang vị trí kiểm soát đường dài giám sát ATS:

*+ Huấn luyện chương trình tại số thứ tự 04 Mục 4 Phần C Phụ lục 05: Huấn luyện lý thuyết và thực hành, sau đó ôn tập và kiểm tra; không thực tập tại vị trí làm việc (OJT) do hiện tại không có môi trường thực tập OJT; không yêu cầu năng định kiểm soát đường dài không có giám sát ATS;*

*+ Tiếp tục huấn luyện chuyển loại sang vị trí kiểm soát đường dài giám sát ATS (số thứ tự 05 Mục 4 Phần C Phụ lục 05), sau đó tham dự sát hạch năng định kiểm soát đường dài giám sát ATS.*

**V. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành:**

Thông tư không yêu cầu bổ sung nguồn nhân lực và không làm phát sinh nguồn tài chính để bảo đảm việc thi hành.

**VI. Đánh giá về các thủ tục hành chính và báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới:**

Dự thảoThông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 35/2021/TT-BGTVT) không có quy định làm phát sinh hay tác động tới các thủ tục hành chính có liên quan; không có quy định phân biệt vị trí, vai trò, trách nhiệm của các giới khác nhau trong hoạt động đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không, không có nội dung quy định về giới tính. Vì vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Thông tư số 26/2022/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT, hồ sơ Cục HKVN trình Bộ GTVT về dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung này không bao gồm các báo cáo sau đây:

1. Bản báo cáo đánh giá thủ tục hành chính;

2. Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới.

**VII. Những vấn đề xin ý kiến**

1. Dự Thảo Thông tư đã được gửi xin ý kiến Ban Cán sự theo quy định.

2. Ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế và các ý kiến góp ý cho Dự thảo Thông tư đã được Vụ Vận tải phối hợp với Cục Hàng không VN nghiên cứu, tiếp thu, đến nay Dự thảo Thông tư không còn có ý kiến khác.

3. Vụ Vận tải xin gửi kèm theo Tờ trình:

- Dự thảo Thông tư đã được tiếp thu ý kiến góp ý.

- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định, ý kiến rà soát lần cuối Dự thảo Thông tư của Vụ Pháp chế.

- Phiếu xin ý kiến Thứ trưởng Dự thảo Thông tư.

- Bảng so sánh Dự thảo Thông tư.

- Báo cáo tổng hợp, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị.

- Các tài liệu khác có liên quan.

Vụ Vận tải kính trình Bộ trưởng xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu: VT, VTải. | **VỤ TRƯỞNG**  **Nguyễn Xuân Cường** |